

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2025/KDTM-PT

Ngày: 29/8/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng thi
công xây dựng, tranh chấp
đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Ngọc Hân

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên

Trong các ngày 14, ngày 22 và ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 177/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 175/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3406/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10900/2025/QĐ-PT ngày 22/7/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13789/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng CT ; Địa chỉ: 332 đường D5, phường TMT(trước là Phường A, Quận A1), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đỗ Đăng Quốc T là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: 93/16 đường B, phường B1 (trước là Phường B', Quận B2), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 21/2024/GUQ ngày 02/5/2024) – *vắng mặt ngày 14/8/2025, có mặt ngày 22/8/2025 và ngày 29/8/2025.*

- Ông Mai Lưu P là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: 12A.07 Khối B C/c G, phường G1 (trước là phường G', quận G2), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 21/2024/GUQ ngày 02/5/2024) – *vắng mặt.*

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N1 (trước là phường N', thị xã N2), tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Quỳnh T và bà Nguyễn Thu N là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: Căn A5.01F – A6.01F, Tòa nhà K, số 31 đường số K1, phường K2, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 01/8/2025); ông Nguyễn Đ (giấy ủy quyền ngày 12/8/2025) - *có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Ngô Thị K là Luật sư thuộc Công ty luật TNHH P và Các cộng sự; Địa chỉ: Căn A5.01F – A6.01F, Tòa nhà K, số 31 đường số K1, phường k2, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh - *có mặt ngày 14/8/2025, vắng mặt ngày 22/8/2025 và ngày 29/8/2025.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP; Địa chỉ: 71-73 đường số 17 C, phường C1 (trước là phường C2, Thành phố C3), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn O là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: 71-73 đường số 17 C, phường C1 (trước là phường C2, Thành phố C3), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 22/7/2025) – *vắng mặt ngày 14/8/2025, có mặt ngày 22/8/2025 và ngày 29/8/2025.*

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2024 và các lời khai của người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng CT trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

* Về Hợp đồng xây dựng số 10/2016/HDKT về việc thi công Khu xử lý nước thải KCN PV.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hạ tầng PV(gọi tắt là Công ty PV) là chủ đầu tư Công trình cơ sở Hạ tầng Khu công nghiệp PV tại huyện KY, tỉnh Hà Tĩnh. Công ty PV giao cho Công ty Cổ phần Khai thác và Đầu tư PD (gọi tắt là Công ty PD) là nhà thầu chính. Công ty PD được quyền giao các gói thầu cho các đơn vị thi công xây dựng.

Vào ngày 05/04/2016, Công ty PD và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng CT (gọi tắt là Công ty CT) đã ký kết Hợp đồng xây dựng số 10/2016/HĐKT về việc thi công Khu xử lý nước thải KCN PV. Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính là 7.624.000.000 đồng (đính kèm phụ lục khối lượng). Giá trị thanh toán thực hiện theo khối lượng nghiệm thu thực tế tại công trường. Hợp đồng có quy định điều chỉnh giá hợp đồng khi có những khối lượng phát sinh do việc thay đổi thiết kế.

Vì Công ty PD đã lập hồ sơ thiết kế và dự toán Khu xử lý nước thải KCN PV thiếu các hạng mục công tác để công trình có thể hoạt động được. Vì vậy,

chính chủ đầu tư Công ty PV đã yêu cầu Công ty CT đã phải tư vấn, thiết kế lại, bổ sung các hạng mục công trình để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả và yêu cầu Công ty PD cũng đồng ý việc này. Ngày 31/08/2016, Công ty PD đã có Văn bản số EA20160831-001 gửi cho Công ty CT với nội dung thống nhất bổ sung một số hạng mục và khối lượng phát sinh được chủ đầu tư PV và nhà thầu PD đồng ý xác nhận bằng văn bản.

Và thực tế, Khu xử lý nước thải Khu công nghiệp PV đã được bàn giao cho chủ đầu tư PV đưa vào sử dụng khi Công ty CT hoàn thành công trình. Mặc dù Công ty CT đã hoàn thành công trình theo Hợp đồng xây dựng số 10/2016 và Công ty PD đã xác nhận tổng giá trị hợp đồng và các hạng mục phát sinh. Chủ đầu tư PV đã đưa công trình vào sử dụng và cũng đã thanh toán đầy đủ cho Công ty PD.

Công ty CT đã nhiều lần yêu cầu Công ty PD thực hiện nghĩa vụ thanh toán (văn bản số 127/CV-CT-2023 ngày 13/11/2023 và văn bản số 06/CV-CT-2024 ngày 11/1/2024), Công ty CT đã 4 lần ra gặp trực tiếp Công ty PD để yêu cầu hoàn tất các hồ sơ liên quan đến công trình và thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty PD đều cố tình không làm việc, không thanh toán gây tổn kém rất nhiều chi phí, thời gian cho CT.

Công ty PD phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CT như sau:

Giá trị theo hợp đồng số 10/2016/HDKT	: 7.624.000.000 đồng
Giá trị khối lượng phát sinh trong hợp đồng	: 248.873.000 đồng
Giá trị phát sinh ngoài hợp đồng	: 820.821.000 đồng
Tổng giá trị PD phải thanh toán	: 8.693.694.000 đồng
Giá trị PD đã thanh toán	: 6.739.050.150 đồng
Giá trị PD còn phải thanh toán	: 1.954.643.850 đồng

Công ty PD đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ năm 2017 nên phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ với lãi suất 13,5%/năm. Tạm tính từ tháng 1/2017 đến tháng 5/2024, số tiền là: $1.954.643.850 \times 13,5\% \times 6 + 121 \text{ ngày} \times (13,5\%/365) \times 1.954.643.850 = 1.670.738.525 \text{ đồng}$.

* Công ty PD có nợ Công ty NNP theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ cho thuê xe ngày 5/8/2018 đến 05/11/2028. Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ cho thuê vận chuyển ngày 01/01/2018 đến ngày 01/11/2018, đính kèm Bảng chi tiết công nợ. Về khoản nợ này Công ty NNP và Công ty CT đã ký kết Biên bản thỏa thuận ngày 06/3/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2004/HĐUQ ngày 06/3/2024 với nội dung Công ty NNP chuyển giao Công ty CT quyền yêu cầu Công ty PD thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo công nợ ngày 01/12/2023. Ngoài ra, Công ty PD có chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty NNP căn cứ theo Văn bản đề nghị thanh toán công nợ ngày 01/12/2023.

Theo Khoản 2 Điều 365 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 quy định "Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ". Vì vậy, Công ty CT có quyền yêu cầu Công ty PD thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho mình với số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc:

Tiền vận chuyển đến ngày 01/11/2018 là: 3.735.313.100 đồng

Tiền cho thuê xe đến ngày 5/11/2018 là : 90.000.000 đồng

Tiền dầu đến ngày 30/12/2017 là : 260.338.461 đồng

Tổng tiền gốc phải thanh toán là : 4.085.651.561 đồng

Tiền lãi trả chậm 15%/ năm đối với tiền vận chuyển tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 01/05/2024: 1,978 ngày x (15%/365) x 3.735.313.100 = 3.036.349.032 đồng

Tiền lãi trả chậm 15%/ năm đối với tiền cho thuê xe tính từ ngày 05/12/2018 đến ngày: 01/05/2024: 1975 ngày x (15%/365) x 90.000.000 = 73.047.945 đồng

Tiền lãi trả chậm 15%/ năm đối với tiền dầu tính từ ngày 30/01/2018 đến 01/05/2024: 2.284 ngày x (15%/365) x 260.338,461 = 244.361.525 đồng

Tổng tiền lãi phải thanh toán là: 3.353.758.502 đồng

Tổng số tiền phải thanh toán của Công ty PD cho đến ngày 01/05/2024 là: 7.439.410.063 đồng

Với những trình bày trên, Công ty CT yêu cầu Tòa án Nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Buộc Công ty PD ký hồ sơ nghiệm thu, bản quyết toán khối lượng thi công hoàn thành.

- Buộc Công ty Cổ phần Khai thác và Đầu tư PD thanh toán cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng CT số tiền nợ của Hợp đồng xây dựng số 10/2016/HDKT, cụ thể: Tiền gốc phải thanh toán là 1.954.643.850 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 01/2017 đến tháng 05/2024 là 1.670.738.525 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi phải thanh toán: 3.625.382.375 đồng

- Buộc Công ty PD thanh toán cho Công ty có phần đầu tư xây dựng Công ty CT căn cứ theo Biên bản thỏa thuận ngày 06/3/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/3/2024, số tiền là 4.085.651.561 đồng và tiền lãi tạm tính đến 5/2024 phải thanh toán: 3.353.758.502 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi phải thanh toán: 7.439.410.063 đồng

Tổng số tiền (2) + (3) mà Công ty PD thanh toán cho Công ty CT là: 11.064.792.438 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu: Buộc Công ty PD thanh toán cho Công ty có phần đầu tư xây dựng Công ty CT căn cứ theo Biên bản thỏa thuận ngày 02/5/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/3/2024 với tổng tiền gốc phải thanh toán: 4.085.651.561 đồng, tiền lãi tạm tính đến 5/2024 phải thanh toán: 3.353.758.502 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Công ty PD phải thanh toán phát sinh theo Hợp đồng số 10/2016/HĐKT tiền gốc là 1.954.643.850 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ với lãi suất 11,3%/năm. Tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 21/02/2025 (8 năm 51 ngày), số tiền là: $(1.954.643.850 \text{ đồng} \times 11,5\% \times 8 \text{ năm}) + (1.954.643.850 \times (11,5\%/365) \times 51 \text{ ngày}) = 1.797.859.992 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và tiền lãi phải thanh toán 3.752.503.842 đồng.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn Công ty PD do ông Phan Tuấn C trình bày:

* Về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn đối với Hợp đồng số 10/2016/HĐKT: Công ty PD xác nhận có ký với Công ty CT Hợp đồng số 10/2016/HĐKT. Sau khi thực hiện Hợp đồng, Công ty CT đã được nghiệm thu và được Công ty PD thanh toán toàn bộ khối lượng thực tế đã thi công và Công ty CT đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty PD 02 đợt vào ngày 21/7/2016 (Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu: DN/IIP; số 0000293) và hóa đơn GTTG ngày 05/6/2017 (Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu: DN/IIP; số 0000340).

Quá trình thi công hai bên có thỏa thuận bổ sung bằng Văn bản số EA20160831-001 ngày 31/8/2016 về việc bổ sung thêm một số hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng, văn bản có nêu rõ nội dung: "Các công tác phát sinh phải được các bên phê duyệt trước khi thực hiện". Sau đó, Công ty CT đã có Thông báo cho Công ty PD tại văn bản số EA20161020-001 ngày 20/10/2016 về việc Công ty CT không thể thực hiện được các hạng mục phát sinh với nội dung chính: "Hiện đơn vị thi công bề xử lý không thể thực hiện công việc phát sinh thêm. Công ty chưa sắp xếp đơn vị khác thực hiện được. Vì tiến độ chung của dự án đề nghị quý công ty sắp xếp đơn vị khác thực hiện".

Đến ngày 11/02/2020, chủ đầu tư là Công ty TNHH đầu tư xây dựng hạ tầng PV (với tư cách là chủ đầu tư, nhà thầu chính) yêu cầu kiểm tra lại toàn bộ các hạng mục xây dựng của dự án để chạy thử vận hành nội bộ và bàn giao dự án chung cho chủ đầu tư. Ngày 12/02/2020 Công ty PD đã Thông báo bằng văn bản đến Công ty CT về việc rất nhiều lần yêu cầu Công ty CT cử người đại diện và đội thi công đến để cùng phối hợp kiểm tra và khắc phục sửa chữa công trình (nếu có) nhưng phía Công ty CT đã không phối hợp thực hiện, không cử người đại diện đến làm việc.

Như vậy, đến nay, Công ty PD đã thực hiện đầy đủ tất cả nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng trước ngày 30/12/2016, Công ty CT cũng đã xác nhận và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho Công ty PD.

Liên quan đến Văn bản số EA20160831-001 ngày 31/8/2016 về việc bổ sung thêm một số hạng mục phát sinh ngoài hợp đồng, văn bản có nêu rõ nội

dung: "Các công tác phát sinh phải được các bên phê duyệt trước khi thực hiện". Theo nội dung khởi kiện thì Công ty CT đã tự thực hiện các hạng mục phát sinh theo Văn bản số EA20160831-001 ngày 31/8/2016 và đề nghị Công ty PD thanh toán. Tuy nhiên, trên thực tế, Công ty CT đã thực hiện các hạng mục phát sinh và chưa được Công ty PD phê duyệt, thống nhất và cũng chưa có văn bản nào xác nhận giữa hai bên là phê duyệt hạng mục thi công. Việc Công ty CT thi công hạng mục phát sinh, Công ty PD không nắm được thông tin, không được biết, không có nghiệm thu, bàn giao, mà chỉ nhận được đề nghị thanh toán từ phía Công ty CT sau khi họ tự thi công xong. Đồng thời, Công ty PD đã nhiều lần yêu cầu Công ty CT cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ việc thi công và chi phí phát sinh (nếu có trên thực tế) nhưng phía Công ty CT vẫn không cung cấp đầy đủ, một số tài liệu là bản phô tô không có giá trị pháp lý.

* Đối với yêu cầu buộc Công ty PD phải thanh toán theo Biên bản thỏa thuận ngày 06/03/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/3/2024 là 7.439.410.063 đồng, trong đó tiền gốc 4.085.651.561 đồng và tiền lãi tạm tính đến tháng 5/2024 là 3.353.758.502 đồng:

Nhận thấy, nội dung tranh chấp này thuộc quyền khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ NNP (gọi tắt là Công ty NNP). Giữa Công ty PD, Công ty CT, Công ty NNP là 3 pháp nhân hoạt động độc lập không liên quan gì đến nhau, không thực hiện sự kiện pháp lý hay giao dịch nào để chuyển giao hay làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa 3 bên. Vậy nên Công ty CT không có quyền khởi kiện tranh chấp nội dung này. Và bản thân nội dung tranh chấp này của Công ty NNP thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng đã ký giữa Công ty PD và Công ty NNP.

* Về thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hợp đồng số 10/2016/HĐKT thi công khu vực xử lý nước thải thuộc Khu công nghiệp PV ngày 05/4/2016, đã được hai bên thực hiện xong trước ngày 31/12/2016. Đến ngày 07/5/2024, Tòa án nhân dân quận Quận A1 thụ lý vụ án, thì việc khởi kiện của nguyên đơn đã quá thời hạn 03 năm về khởi kiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật thương mại thì thời hiệu khởi kiện đã hết, Công ty CT đã mất quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng này.

Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án và xem xét ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

* Về nội yêu cầu khởi kiện độc lập của Công ty NNP và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Tại Hợp đồng ủy thác quản lý xe và vận chuyển ngày 07/10/2013, Hợp đồng mua bán xăng dầu mỡ nhờn ngày 20/8/2014; Hợp đồng thuê xe vận tải ngày 05/8/2018 được ký kết giữa Công ty PD với Công ty NNP đều có thỏa thuận ghi rõ: nếu xảy ra tranh chấp thì lựa chọn Tòa án nhân dân huyện KY, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh), Tòa án nơi có trụ sở của Công ty PD để giải quyết. Công ty PD có trụ sở tại Tổ dân phố Nhân Thắng, phường Kỳ

Phương, thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của Công ty NNP phải thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn Công ty PD không đồng ý với nội dung khởi kiện của Nguyên đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Đồng thời, đưa ra yêu cầu Tòa án nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng thời hiệu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng trong này, xem xét lại về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được pháp luật quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ NNP do người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn Linh trình bày:

Công ty NNP và Công ty CT có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 04/HĐKT-PV/2016 để thực hiện công trình: Khu xử lý nước thải – KCN PV, địa điểm xây dựng: KCN PV, phường Kỳ Liên, thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh. Chủ đầu tư là Công ty PD. Công ty NNP còn nợ Công ty CT theo biên bản đối chiếu cộng nợ ngày 31/12/2019, ngày 31/12/2023.

Các bên đã hoàn thành công việc theo Hợp đồng và Chủ đầu tư là Công ty PD đã đưa Khu xử lý nước thải vào hoạt động từ năm 2018. Nhưng đến nay, Công ty PD vẫn không thanh toán cho Công ty NNP. Bên cạnh đó, Công ty PD còn nợ số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc:

Tiền vận chuyển đến ngày 01/11/2018 là: 3.735.313.100 đồng

Tiền cho thuê xe đến ngày 5/11/2018 là: 90.000.000 đồng

Tiền dầu đến ngày 30/12/2017 là: 260.338.461 đồng

Tổng tiền gốc phải thanh toán là: 4.085.651.561 đồng.

Và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Đồng thời, giữa Công NNP và Công ty CT đã ký kết Biên bản thỏa thuận ngày 06/3/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/3/2024 với nội dung Công ty NNP chuyển giao sang Công ty cổ phần đầu tư xây dựng CT quyền yêu cầu Công ty PD thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CT.

Tại Bản án sơ thẩm số 175/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng CT :

1.1. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD thanh toán cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng CT toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 21/02/2025 là: 3.752.503.842 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.954.643.850 đồng, Nợ lãi: 1.797.859.992 đồng).

1.2. Buộc Công ty PD ký hồ sơ nghiệm thu, bản quyết toán khối lượng thi công hoàn thành. Nếu Công ty PD không thực hiện ký hồ sơ nghiệm thu, bản

quyết toán thì công nhận Công ty CT đã thực hiện hoàn thành công trình tại khu xử lý nước thải Khu công nghiệp PV, để hoàn thiện hồ sơ theo quy định với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ.

1.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty PD thanh toán cho Công ty có phần đầu tư xây dựng Công ty CT căn cứ theo Biên bản thỏa thuận ngày 02/5/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/3/2024. Tổng số tiền gốc và tiền lãi phải thanh toán: 7.439.410.063 đồng, trong đó: tiền gốc: 4.085.651.561 đồng, tiền lãi: 3.353.758.502 đồng

2. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD thanh toán cho Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP số tiền 7.036.497.756 đồng, trong đó tiền gốc: 4.085.651.561 đồng, tiền lãi 2.950.846.195 đồng.

3. Về thời hạn thanh toán: Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng CT, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 10/03/2022, Công ty PD nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng và giải quyết vụ án thiếu khách quan vô tư, không có căn cứ và công bằng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết do hết thời hiệu khởi kiện và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Quận A1.

Ngày 24/03/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Quận A1 ban hành quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM đối với bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện của Công ty PD trình bày kháng cáo như sau: Công ty PD kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy án với những lý do:

Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

Không đúng thẩm quyền: Theo hợp đồng, tranh chấp phải được giải quyết tại Tòa án nhân dân thị xã KY (Hà Tĩnh) hoặc nơi thực hiện hợp đồng, nhưng Tòa án nhân dân quận Quận A1 lại thụ lý.

Hết thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp phát sinh từ 2017, 2018 nhưng đến 05/2024 mới khởi kiện, quá thời hiệu 3 năm.

Bỏ sót người tham gia tố tụng: Không triệu tập Chủ đầu tư (Công ty CP Đầu tư xây dựng hạ tầng PV) và ông Phan Văn L (người ký nghiệm thu) để làm rõ sự thật khách quan.

Không xem xét thẩm định tại chỗ và không có Viện kiểm sát cùng cấp tham gia kiểm sát vụ án.

Yêu cầu độc lập của Công ty NNP cũng hết thời hiệu và không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Quận A1.

Về nội dung: Giải quyết vụ án thiếu khách quan, bất lợi cho bị đơn. Hồ sơ, tài liệu của nguyên đơn (Công ty CT) về hạng mục phát sinh không được bị đơn phê duyệt, không có hồ sơ thanh toán/quyết toán đúng quy định. Số liệu thanh toán do nguyên đơn nêu ra không phù hợp với tài liệu chứng cứ nhưng không được làm rõ. Nguyên đơn không nêu được căn cứ để xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và lãi suất chậm trả nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải chịu tiền lãi là không phù hợp với hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày kháng nghị: Giữ nguyên nội dung tại quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với những lý do như sau:

Vi phạm về tố tụng và thẩm quyền:

- Tòa án nhân dân quận Quận A1 thụ lý vụ án là không đúng thẩm quyền;
- Thụ lý giải quyết đơn yêu cầu độc lập không đúng quy định;
- Thiếu người tham gia tố tụng là Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hạ tầng PV).

Vi phạm về nội dung:

- Nhận định trong bản án có sự nhầm lẫn giữa “ủy quyền” và “chuyển giao quyền yêu cầu” giữa Công ty NNP và Công ty CT; chưa làm rõ bản chất quan hệ giữa các bên với nhau.
- Sai trong việc xác định lãi suất chậm trả: áp dụng lãi suất của một ngân hàng thay vì mức trung bình của ít nhất 3 ngân hàng theo luật.
- Nội dung quyết định của bản án không phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ.
- Sai trong cách tuyên lãi chậm thi hành án, không đúng hướng dẫn của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.
- Tòa tuyên án thiếu nhất quán (vừa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện vừa đình chỉ yêu cầu khởi kiện).

Tại văn bản ngày 07/8/2025, người đại diện hợp pháp của Công ty CT trình bày ý kiến về kháng cáo và kháng nghị như sau: Việc kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Quận A1 là không phù hợp thực

tế khách quan, diễn biến phiên tòa và quy định pháp luật. Và thực tế, Tòa án nhân dân quận Quận A1 đã thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự, áp dụng quy định pháp luật phù hợp để tuyên án. Cụ thể như sau:

Về thẩm quyền giải quyết:

- Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có vừa lựa chọn trọng tài vừa tòa án để giải quyết vụ việc tranh chấp. Công ty CT là nguyên đơn và chúng tôi lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật. Và thực tế, chưa có bất kỳ trung tâm trọng tài nào thụ lý giải quyết vụ việc này. Hơn thế nữa, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn cũng có thể được xác định là tranh chấp ngoài hợp đồng, phát sinh từ Văn bản số EA20160831-0001.

- Nguyên đơn có trụ sở chính tại quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án quận Quận A1 là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp thực tế tranh chấp và thỏa thuận các bên. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bên đi khởi kiện và bị đơn đang xâm phạm nghiêm trọng đến quyền về tài sản của nguyên đơn.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án không lấy ý kiến, không đưa chủ đầu tư là Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hạ tầng PV vào tham gia tố tụng là phù hợp thực tế diễn biến phiên tòa, phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu đưa Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hạ tầng PV vào tham gia tố tụng.

Về chuyển giao quyền giữa Công ty CT và Công ty NNP là phù hợp với quy định pháp luật và bản chất là bị đơn Công ty PD nợ Công ty NNP. Việc Công ty PD phải trả nợ cho Công ty NNP là việc đương nhiên. Và trong phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử cũng đã hỏi bị đơn đồng ý trả cho Công ty NNP tổng số tiền: 7.432.419.006 đồng. Bị đơn cũng đã đồng ý và không có ý kiến gì. Như vậy, việc Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho Công ty NNP là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp thực tế khách quan diễn biến tại phiên tòa. Tình tiết không cần phải chứng minh khi bị đơn đã thừa nhận.

Về lãi suất thì Tòa án sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp thực tế khách quan vì nguyên đơn đề nghị mức lãi suất thấp nhất, có lợi cho bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện, Tòa án sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp quy định pháp luật. Do nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải ký nghiệm thu và việc đòi nợ diễn ra liên tục, cũng như tranh chấp nguyên đơn phát sinh từ quyền tài sản khi bị đơn cố tình không thanh toán đối với các tài sản, quyền tài sản mà nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn.

Với những phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định tố tụng, áp dụng quy định pháp luật phù hợp. Kính đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Công ty NNP là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: vắng mặt tại cấp phúc thẩm, không gửi văn bản nêu ý kiến.

Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quận Quận A1 và kháng cáo của Công ty PD còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị, có hình thức đúng quy định. Nội dung nêu tại kháng cáo và kháng nghị là có cơ sở, nên đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty PD và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, trình bày ý kiến của người kháng cáo, kháng nghị ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty PD là bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quận Quận A1 còn trong thời hạn kháng cáo và thời hạn kháng nghị, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[2] Xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty CT là nguyên đơn và Công ty NNP là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 ngày 14/8/2025. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty CT và Công ty NNP.

[3] Xét nội dung của kháng cáo và kháng nghị đối với thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh:

[4] Đối với thẩm quyền theo lãnh thổ:

[5] Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024 giữa nguyên đơn Công ty CT và bị đơn Công ty PD (bút lục 971) thì nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết: (1) tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng số 10/2016/HĐKT ngày 05/4/2016 (bút lục 360-378), (2) tranh chấp phát sinh từ văn bản thỏa thuận số EA20160831-001 ngày 31/8/2016, (3) đòi nợ theo văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền đòi nợ ngày 06/03/2024 và Hợp đồng ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/03/2024.

[6] Tại văn bản lựa chọn tòa án giải quyết ngày 03/5/2024 (bút lục 968), nguyên đơn căn cứ quy định của điểm b khoản 2 Điều 18 của Hợp đồng số 10/2016/HĐKT như sau: *“Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan. Khi có tranh chấp (...) các Bên có thể đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án TP.HCM theo quy định”* để lựa chọn nơi giải quyết các tranh chấp (1), (2), (3) là Tòa án nhân dân quận Quận A1 là không đúng với nội dung của thỏa thuận trong Hợp đồng

và không phù hợp theo quy định về thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại các Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Cụ thể, đối với các tranh chấp được nêu trong đơn khởi kiện thì nguyên đơn có trụ sở tại quận Quận A1, bị đơn có trụ sở tại thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh, nơi thực hiện Hợp đồng tại KCN PV thị xã KY, tỉnh Hà Tĩnh và trong Hợp đồng không có thỏa thuận Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở giải quyết tranh chấp. Nên, Tòa án nhân dân quận Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền về lãnh thổ theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn về nội dung này là có cơ sở.

[8] Đối với thẩm quyền giải quyết của Trọng tài thương mại:

[9] Nhận thấy, tại khoản 16.2 của Hợp đồng số 10/2016/HĐKT có thỏa thuận trọng tài giải quyết tranh chấp như sau: *“a. Khi có tranh chấp phát sinh ...giải quyết bằng biện pháp hòa giải; b. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì (...) các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo quy tắc của Việt Nam (Tòa án nhân dân TP.HCM) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (Tòa án nhân dân TP.HCM) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên; c. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp”*. Thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền đối với hoạt động trọng tài trong hợp đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và Điều 7 Luật Trọng tài thương mại và Điều 5 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/03/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của trọng tài thương mại, nên có hiệu lực.

[10] Như vậy, tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài không thuộc trường hợp vô hiệu hoặc không thể thực hiện được theo hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, nhưng Tòa án nhân dân quận Quận A1 thụ lý giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Luật Trọng tài thương mại và khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP. Kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có cơ sở.

[11] Xét nội dung của kháng cáo và kháng nghị đối với việc thụ lý giải quyết đơn yêu cầu độc lập của Công ty NNP không đúng quy định:

[12] Tại thông báo về việc thụ lý bổ sung số 160/2024/TB-TLVA ngày 25/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Quận A1 có nội dung *“Ngày 07/5/2024 Tòa án nhân dân quận Quận A1 đã thụ lý vụ án (...); Theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng CT (...) Căn cứ đơn yêu cầu đề ngày 14/10/2024 của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP; Tòa án nhận thấy việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP”*

[13] Trong hồ sơ thể hiện sau khi Tòa án nhân dân quận Quận A1 thụ lý giải quyết vụ án thì Công ty NNP có đơn yêu cầu đề ngày 14/10/2024 *“V/v:*

Triệu tập Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” (bút lục 967). Trong đơn có nội dung như sau: Công ty NNP và Công ty CT có ký biên bản thỏa thuận ngày 06/03/2024 và HĐ ủy quyền số 12/2024/HĐUQ ngày 06/03/2024 với nội dung Công ty NNP chuyển giao sang Công ty CT quyền yêu cầu Công ty PD thực hiện nghĩa vụ thanh toán (...) Đề nghị Tòa án triệu tập công ty NNP là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để có quyền đưa ra yêu cầu độc lập với Công ty PD. Ngoài ra, trong hồ sơ không thể hiện Công ty NNP có đơn yêu cầu độc lập khởi kiện đối với Công ty PD.

[14] Xét thấy, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như sau: “1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”

[15] Như vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn yêu cầu đề ngày 14/10/2024 “ *V/v: Triệu tập Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ NNP là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*” của Công ty NNP để xác định Công ty NNP có yêu cầu khởi kiện độc lập với Công ty PD và ban hành thông báo tạm ứng án phí, thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập là vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự trong vụ án, vi phạm về trình tự thủ tục tố tụng trong việc thụ lý và giải quyết yêu cầu độc lập của đương sự trong vụ án, được quy định tại Điều 201, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn về nội dung này là có cơ sở.

[16] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy Tòa án nhân dân quận Quận A1 thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng thẩm quyền và thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty NNP khi chưa có đơn yêu cầu độc lập (khởi kiện) của Công ty NNP, là những vi phạm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*” nên cần hủy bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm khi giải quyết lại căn cứ vào từng yêu cầu của nguyên đơn xác định lại thẩm quyền giải quyết của Tòa án và trọng tài, xác định thẩm quyền về lãnh thổ và các điều kiện thụ lý yêu cầu độc lập của đương sự trong vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[17] Bản án sơ thẩm bị hủy do có vi phạm thủ tục tố tụng nên không cần thiết xem xét những nội dung cấp sơ thẩm đã giải quyết được nêu trong kháng nghị và kháng cáo về triệu tập người tham gia tố tụng, về thu thập, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật trong bản án của cấp sơ thẩm.

[18] Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[19] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 148, Điều 271, Điều 273, Điều 296, khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát khu vực 5 (trước là Viện kiểm sát quận Quận A1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 175/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 (trước là Tòa án nhân dân quận Quận A1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: sẽ được xác định khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty cổ phần Khai thác và Đầu tư PD toàn bộ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0053110 ngày 27/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Quận A1 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- TAND khu vực 5, TP.HCM (trước là TAND quận Quận A1);
- Phòng THADS khu vực 5 (trước là Chi cục THADS quận Quận A1), TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thanh Nhân

